

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9- 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Danh Sử.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐ-HNGĐ ngày 18/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Lương Quốc Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Bùi Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Lương Quốc Th kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 18/12/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N. Hai vợ chồng chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng và gia đình không hòa hợp nảy sinh nhiều bất đồng, nguyên nhân chính là

do anh Th ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xung đột. Hiện chị và anh Th đã ly thân. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Th để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Ng xác định giữa chị và anh Th có 01 con chung là cháu Lương Minh T sinh ngày 17/10/2019, hiện cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn với anh Th chị xin tiếp tục nuôi cháu và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Lương Quốc Th được thể hiện tại bản khai ngày 10/8/2020 và thể hiện trong các văn bản tố tụng khác: anh Th thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như Chị Ng trình bày là đúng. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do Chị Ng không hiểu biết. Anh xác định vợ chồng anh đã ly thân và Chị Ng xin ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí vì anh cũng không còn tình cảm với chị Ng.

Về con chung: Anh xác định anh và Chị Ng có 01 con chung là cháu Lương Minh T sinh ngày 17/10/2019, hiện cháu đang ở với chị Ng, anh nhất trí cho Chị Ng nuôi khi cháu còn đang bú mẹ, sau khi cháu trên 36 tháng thì anh xin được nuôi. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã Ph, huyện N thì Chị Ng và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph. Về mâu thuẫn giữa hai bên ủy ban chỉ nắm được là do không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân.

Trong quá trình Tòa án hòa giải anh Th và Chị Ng đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án, tuy nhiên khi kết thúc phiên hòa giải để thông qua biên bản thì anh Th bỏ về không ký, những lần hòa giải sau anh Th cũng không đến tham gia, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị Ng., Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị Ng và Anh Lương Quốc Th.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Lương Minh T sinh ngày 17/10/2019 cho Chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Ng mỗi tháng 1000.000 đồng.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Bùi Thị Ng phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Ng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Ng và anh Th đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Chị Ng có đơn xin xử vắng mặt, anh Th được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2]. Về nội dung: *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Ng và anh Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, và do không tin tưởng nhau về tình cảm làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Bản thân các bên cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn Chị Ng với anh Th là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Nguyên vọng của Chị Ng xin được nuôi cháu Lương Minh T sinh ngày 17/10/2019 và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định. anh Th cũng nhất trí cho Chị Ng nuôi cháu và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng cho cháu là 1000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Ng và anh Th đều là lao động tự do, có thu nhập, có đủ sức khỏe và các điều kiện khác để chăm sóc và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên xét việc cháu T hiện nay chưa được 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích, sự ổn định, đảm bảo về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu nên giao cháu T cho Chị Ng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy Chị Ng có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là chính đáng và mức anh Th đưa ra là phù hợp với thu nhập thực tế của anh Th. Vì vậy cần buộc mỗi tháng anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Ng là 1000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ng phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: anh Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của Bùi Thị Ng. Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị Ng và Anh Lương Quốc Th.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lương Minh T sinh ngày 17/10/2019 (hiện đang ở với chị Ng) cho Chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Ng mỗi tháng là 1000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Th không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ng phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000598 ngày 05/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương Quốc Th phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Chị Ng và anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh